

SÔNG BA: GIAO LỘ CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - VĂN HÓA ĐẶC THÙ

■ Nguyễn Hữu Thông*

TÓM TẮT

Việc nghiên cứu và khảo sát cơ cấu tộc người dọc sông Ba không đơn thuần chỉ là công việc thống kê những di tích trên địa bàn một đơn vị hành chính tỉnh, mà ở đây, lịch sử đã cho thấy một giao lộ sôi động mang tính liên quốc gia giữa khối cộng đồng các tộc người trên một phạm vi lãnh thổ đã mở cửa tiếp nhận các luồng văn hóa ngoại lai từ nhiều thế kỷ trước. Vai trò cửa cảng ở đây có sự tụ hội của nhiều luồng hải thương từ nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Cũng từ đặc điểm ấy cho thấy bên cạnh văn hóa Việt qua hệ di tích từ thời Lê trở về sau, còn để lại dấu ấn những cuộc di cư của người Hoa, mối quan hệ đan xen giữa người Việt, Chăm, Hoa, các tộc người Êđê, Jarai, Bahnar... Đây chính là chân dung nhiều màu sắc với những biến đổi vi tế trong quá trình hòa nhập của người Việt trong phạm vi bối cảnh miền Nam Trung bộ ngày nay ở nước ta. Từ bối cảnh cộng sinh với nhiều thế lực, nhiều tộc người, trong buổi đầu đến với vùng đất này, người Việt đã tìm được cho mình một thế tồn tại bằng từng bước tiệm tiến cần thiết

ABSTRACT

Ba river: a very special political, economic and cultural junction in history

The research undertake surveys on the ethnic structures along the Ba River is not merely a statistical work on monuments in an administrative area belonging to a certain province. History has shown that the Ba River was a vibrant intersection serving as a conjunction between ethnic communities on the territory that opened its doors to receive flows of foreign cultures many centuries ago. The port here served as a meeting point attracting sea traders from many countries within and outside of Southeast Asia. Apart from this characteristic, preserved relics from the Le Dynasty show that besides the Vietnamese culture there are signs of Chinese migration and that there was a interlinked relation between Vietnamese, Cham, Chinese, Ede, Jarar and Bahnar... This is a colorful portrait showing the subtle process of integration of Vietnamese in the nowadays Southern Central part of Vietnam. In the context of this co-existence with other powerful ethnic groups it becomes clear that from the very beginning on the Vietnamese had gradually found for themselves the necessary basis for there existence.

I. Khái luận

Nói đến miền Trung Việt Nam, chúng ta không thể cách ly cộng đồng Việt với những sự kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa..., vốn hiện hữu và hằn lên dấu ấn sâu đậm bởi những lớp người tiền trú. Trên cương vực thường được gọi là vương

quốc Champa/nước Chiêm Thành, thuộc từ đèo Ngang đến Nam bộ trong nhiều thế kỷ, thực ra, chưa từng được vận hành một cách chính danh với tư cách là một bộ máy nhà nước thống nhất từ Nam chí Bắc, hay, mô hình liên kết các tiểu quốc/lãnh địa/mandala/vùng... một cách hoàn

*ThS, Nguyên Phân viện trưởng Phân viện Nghiên cứu VHNT Việt Nam tại Huế

chính, bên cạnh Đại Việt. Chính vì vậy, khi nghiên cứu về cấu trúc xã hội của vương quốc Champa, giới học thuật đã nêu lên và luận bàn không ít những giả thiết không cùng quan điểm:

- Đó là một vương quốc thống nhất với một biên niên sử liên tục (ngoại trừ một vài thời điểm không chấp nối được, bởi mất hẳn dấu tích và sử liệu), như chủ trương của một số nhà nghiên cứu phương Tây thời thuộc Pháp [26].

- Vương quốc Champa có cấu trúc gần giống với mô hình Mandala (sự tồn tại đồng thời của các tiểu quốc) phổ biến ở Đông Nam Á cổ đại [22].

- Vương quốc Champa được điều hành theo mô hình liên bang¹.

Những luận thuyết nghiêng về dạng cấu trúc tồn tại đồng thời các mandala (tiểu quốc - lãnh địa - "Circle of Kings"), hay mô hình liên bang ở vương quốc Champa cổ, ngày càng có cơ sở thuyết phục và được giới học giả hiện đại thảo luận nhiều hơn.

Nhìn trên toàn cảnh từ bắc đến Nam miền Trung, chúng ta có thể hình dung mọi hoạt động mang tính kết nối về mặt kinh tế - văn hóa - xã hội từng hiện hữu trên vùng đất này, đều liên quan đến nhiều tộc người trong lịch sử (Kautic², Bahnaric³, Việt Mường⁴, Malayo Polynesie⁵). Và, các cộng đồng ấy vẫn tiếp tục tồn tại cho đến hôm nay. Charles Wheeler khi nhận định về những mô thức phổ quát ở một quốc gia duyên hải như Việt Nam, tác giả đã nhấn mạnh đến mô hình quần đảo (Archipelago) đặc trưng ở miền Trung. Đó là sự đan xen của những rặng núi

chồng chất lên nhau, phân tán và cô lập địa hình thành những túi đất cách biệt [23]. Chính địa mạo bao gồm sông và núi ở đây, đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho bất cứ thế lực nào muốn chiếm lĩnh, phòng thủ, cát cứ, trên những dạng "túi duyên hải" ấy.

Tiếp thu ảnh hưởng trong bối cảnh chung của các quốc gia cổ đại vùng Nam Á và Đông Nam Á; miền Trung Việt Nam trong điều kiện biển núi cận kề, các tiểu quốc nơi đây đã tiếp nhận văn hóa Ấn thông qua con đường hải thương. Từ đây, họ gia nhập vào mạng lưới trao đổi, mua bán..., trên một địa bàn rộng lớn xuyên quốc gia (Lào, Campuchia, Thái, Myanmar...), liên quan đến đời sống nhiều tộc người có nguồn gốc khác nhau. Tính chất, quy mô, đặc điểm của hoạt động này thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử, nhưng, tuyến lưu thông bao giờ cũng vậy. Các cửa sông, cảng biển từ Bắc Trung bộ cho đến Nam Trung bộ Việt Nam, vẫn luôn là các cửa ngõ quan trọng và độc quyền ở khu vực này trong các hoạt động giao thương với những quốc gia bên ngoài thời bấy giờ (Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, và các vương quốc ở Đông Nam Á hải đảo...). Trong điều kiện ấy, ai làm chủ cửa cảng, sẽ là kẻ nắm vận mệnh của vùng đất và lãnh địa liên quan đến nó. Theo chúng tôi, đây là nguyên nhân gây nên sự phân lập cương vực của những tiểu quốc Champa trong nhiều thế kỷ ở vùng đất này.

Mỗi tiểu vương quốc/Mandala được thành lập thường dựa trên cấu trúc tư tưởng, tinh thần, hay những yếu tố địa lý mang tính tâm linh như núi thiêng (trọng trung thần Siva); sông thiêng

¹ "Quy chế liên bang ở Champa rất gần gũi với quy chế liên bang ở vương quốc Mã Lai hôm nay, hay vương quốc Champa không phải là một quốc gia tập quyền như cơ chế chính trị ở Việt Nam hay Trung quốc thời trước, nhưng là một quốc gia liên bang. Mỗi tiểu bang thường được hưởng một quyền tự trị khá rộng rãi" ("Phong trào phục hưng Champa vào năm 1693-1694, Tạp chí Champaka [www.champaka.org/cgi-bin/viewitem]). Nhưng trong bài "Góp phần tìm hiểu lịch sử Champa" (cũng trên Tạp chí Champaka) Po Dharma lại viết: "Champa là một quốc gia liên bang. Một tiểu vương quốc có một thể chế chính trị tự trị và có quyền ly khai ra khỏi liên bang Champa để xây dựng lấy một vương quốc độc lập riêng biệt".

² Đọc thêm [39, tr.39].

³ Đọc thêm: D. Thomas và R.K Headley, "More on Mon-Khmer Subgroupings", in Lingua 25, No.4 Center for Vietnamese Studies and Summer Institute of Linguistics [S.I.L], Saigon, 1970.

⁴ David Thomas: 1973, Sdd, tr.39-40.

⁵ Ở Việt Nam những tộc người nói ngôn ngữ Malayo- Polynesie: Chăm, Chăm H'roi, Jarai, Ê đê, Raglai, Churu...

⁶ Chẳng hạn, tiểu quốc Amaravati ở vùng Quảng Nam ngày nay được hình thành dựa trên 5 yếu tố sau: 1. Núi thiêng là Mahaparvata (Mỹ Sơn) hay Răng Mèo; 2. Sông thiêng là Thu Bồn; 3. Cửa biển thiêng là cửa Đại/Hội An; 4. Thành phố thiêng là Sinhapura/thành sư tử Trà Kiệu; đất thiêng là Srisanabhadresvara tại Mỹ Sơn [17].

⁷ Khi hải lộ liên quốc gia chuyển đổi từ eo Kra (vùng trung chuyển xuyên qua đất Xiêm La để đến với Phù Nam) qua eo Malacca để đến với các cửa cảng ở miền Trung từ thế kỷ V-VI, các tiểu quốc duyên hải nơi đây mới thực sự trở nên hùng mạnh và phát huy tầm ảnh hưởng của mình trong thống trị, cát cứ, hay liên minh.

(tượng trưng nữ thần Ganga, vợ Siva); cửa biển thiêng (cảng thị, nơi giao dịch buôn bán, trung tâm thương mại); thành phố thiêng (nơi cư ngụ của vua, hoàng tộc, trung tâm vương quyền); đất thiêng (nơi thờ tự thần linh và tổ tiên, trung tâm tín ngưỡng).⁶ Do địa hình không thuận lợi cho kinh tế nông nghiệp, các cộng đồng nơi đây lại có cơ hội tiếp xúc sớm với con đường hải thương liên quốc gia từ đội ngũ thương nhân Ấn và các vương quốc ảnh hưởng Ấn ở Đông Nam Á, thế nên, vai trò các cảng thị ở miền Trung thời bấy giờ trở thành quan trọng và quyết định sự hiện hữu, vị thế và sức sống của các tiểu quốc.⁷ Vì vậy, hệ thống sông ngòi ở đây là thủy lộ huyết mạch, nối kết thị trường sản vật phong phú (hương liệu, dược liệu, gia vị, nô lệ...) từ miền núi và cao nguyên phía Tây, tham gia vào hoạt động hàng hải liên quốc gia thông qua các cửa cảng¹. Chính hoạt động này làm nên sức mạnh mọi mặt cho các tiểu quốc thống lĩnh địa bàn nơi chúng đi qua. Những dòng chảy lớn, nhỏ, đổ từ Tây sang Đông đảm đương chức năng thương lộ, vô hình trung, đã trở thành chiếc cầu nối kết trong hoạt động giao lưu về mặt ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng.. giữa cư dân miền xuôi và miền ngược; giữa đội ngũ thương nhân, thương lái ven biển với cư dân nông nghiệp phía núi. Bên cạnh hệ sông Thu Bồn với cảng thị Hội An ở phía bắc, sông Ba đối với địa bàn Nam Trung bộ đã từng đóng một vai trò quan trọng và điển hình, để qua đó, chúng ta có thể lần tìm, và nhận diện nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử - kinh tế - văn hóa vùng đất miền Trung Việt Nam.

II. Sông Ba – Từ ranh giới vùng đến khu đệm trong bối cảnh của mối quan hệ giữa các tiểu quốc lân cận

Có chiều dài 374 km, sông Ba bắt nguồn từ phía Tây Bắc tỉnh Kon Tum, ở độ cao 1540m

trên dãy Ngọc Rô. Đây là một con sông trước khi đổ về xuôi đã có sự góp mặt của một hệ thống những hợp lưu, vắt qua nhiều vùng, nhiều tỉnh, ở Tây Nguyên. Theo hướng Bắc Nam, dòng sông trải mình qua các huyện Kon Plong của tỉnh Kon Tum rồi đến Kbang, Dakpơ, An Khê, Kon Chro, Ia Pa, Ayun Pa thuộc tỉnh Gia Lai. Từ đó, sông Ba chuyển sang hướng Tây Bắc - Đông Nam, qua huyện Prong Pa (Gia Lai), rồi vào địa phận tỉnh Phú Yên theo hướng Tây - Đông, làm thành ranh giới tự nhiên giữa Sơn Hòa và Sông Hinh, giữa Sơn Hòa và Tây Hòa, giữa Tây Hòa và thành phố Tuy Hòa, rồi đổ ra biển Đông ở cửa biển Đà Diển - phía Nam thành phố Tuy Hòa. Chính vì sự trải rộng làm nên một lưu vực bao gồm cả Gia Lai, Kontum và phần phía Đông Bắc của Daklak, cho nên, trước khi mang tên chính thức là sông Ba/ Đà Rằng, các hợp lưu quan trọng nối kết là Ayun, Krong H'ănng, sông Hinh... đã làm nên một hệ tuyến thủy lộ, nối kết nhiều vùng, xuyên qua địa bàn cư trú của nhiều tộc người - là con đường làm nên các mối giao lưu trên nhiều mặt.

Vai trò của thủy lộ ở địa hình miền Trung Việt Nam, có thể không phải là một lộ trình thuận lợi cho thuyền, bè, thông suốt từ Tây sang Đông. Thường thì các dòng chảy ở vùng thượng lưu phải trải qua những thác ghềnh hiểm trở. Nhưng, tựu trung, đó vẫn là lối dẫn tự nhiên, để con người nương theo hai bên bờ sông, tạo nên lối mòn trên bộ, sắp đặt những trạm trung chuyển trong các thương vụ trao đổi hàng hóa.

G. Hickey đã từng xem An Khê là một vị trí thương mại quan trọng, mở ra mối quan hệ của vùng này với người Bahnar, Jarai, Ê Đê. Tác giả cho rằng, sông Ba rất có thể là con đường xâm nhập vào miền núi; đèo An Khê còn được gọi là “đèo Mang” mà theo cách gọi của người Bahnar, ngữ nghĩa của địa danh này là “ngang qua cửa”

¹ “...chính hoạt động thương mại đã cùng tạo ra liên kết giữa miền núi cũng như đồng bằng giống như các mạng lưới buôn bán quốc tế. Hoạt động buôn bán đường dài đã kết nối giữa các vùng cũng như các cộng đồng dân cư ở miền núi và đồng bằng, với những tác động chính trị và văn hóa quan trọng đối với cả hai khu vực. Điều này thể hiện rất rõ thông qua danh sách những lâm sản (vùng cao) như ngà voi, sừng tê giác, sáp ong, cây lô hội, quế... được xuất ra nước ngoài bởi các nhà nước ở đồng bằng –điều đã được ghi chép trong các báo cáo và thư tịch cổ về Đông Nam Á lục địa. Tương tự như vậy, điều đó cũng được khẳng định thông qua một loạt những sản phẩm uy tín được “nhập khẩu” như công nghệ chiến bằng đồng từ Mianma và bình lọ từ Trung Quốc với vai trò trong việc biểu thị uy tín về tâm linh và chính trị ở khu vực miền núi trên toàn bộ vùng đất liền và Đông Nam Á hải đảo, trong đó, mặt hàng đặc biệt quan trọng là muối (biển), thực phẩm tối cần thiết để duy trì sự sống ở Cao nguyên..” [19]

² Henri Maitre, Lưu Đình Tuấn dịch (2008), Les Jungles Moi (Rừng người Thượng), NXB Tri Thức, tr.42,43

[28, tr116]. Như vậy, cửa ngõ nối liền duyên hải Nam Trung bộ với miền núi như cách nhận định của Hickey, đã có mối liên kết quan trọng với nhánh Krong Pa chảy qua nơi này. Nói một cách khác, sông Ba ngoài vai trò là thủy lộ, còn là nơi đón nhận một địa lộ quan trọng của vùng Tây Nguyên là An Khê trong nhiều mối quan hệ: “An Khê có dạng một địa hình chữ nhật dài, theo hướng Bắc - Nam, một bề 50km, bờ kia 34km; sông Ba chảy xuyên suốt chiều dài của nó... phía Nam, cao nguyên An Khê hạ dần xuống thung lũng trung lưu sông Ba và hòa lẫn với đồng bằng”². Có thể thấy sự thuận lợi mang tính cửa ngõ của sông Ba nối kết miền Trung với Tây Nguyên khi: “Đi từ thung lũng trung lưu sông Ba, từ đây theo hướng Bắc đi vào cao nguyên An Khê và theo hướng Tây Bắc đi vào cao nguyên Jarai, trong khi theo các thung lũng sông Hín (Hinh - tg.) và sông Năng (Krong H’Nang - tg.), hai nhánh bên hữu ngạn sông Ba thì có thể đi vào cao nguyên Darlac”¹.

Nhìn trên bản đồ phân bố ngôn ngữ dân tộc và địa bàn cư trú tộc người hiện nay, chúng ta thấy sông Ba và các phụ lưu của nó đã chảy xuyên qua nhiều vùng, làm nên một giao lộ thông thương với nhiều tộc người quan trọng và có vai trò rất lớn trong những hoạt động giao thương từ thời cổ đại. Trên thực tế, đầu nguồn sông Ba ngay cả trung lưu của dòng sông này, chính là địa bàn cư trú lâu đời của người Jarai và Êđê - những tộc người có mối quan hệ rất gần với người Chăm về mặt ngôn ngữ cũng như lịch sử. H. Maitre đã từng nhận xét trong tác phẩm “Les Jungles Moi” rằng: “Chắc chắn người Jarai luôn có xích mích với người Chăm mà hẳn họ đã phải nhượng bộ, không phải là không có chiến đấu ở vùng đất ven biển là nơi họ vốn canh tác từ xa xưa có thể nay

là Phú Yên”². G. Maspéro trong công trình “Le Royaume de Champa” cũng từng có nhận định tương tự: “Trước khi chịu thất bại và rút sâu vào nội địa tới các cao nguyên họ đang ở hiện nay, rất có thể họ (người Jarai) là những người được người Chăm gọi là Mada trong văn khắc” [27, tr.172,173] bên cạnh người Jarai”. Hay “Một bộ lạc khác cùng tộc với người Jarai và hiện nay được biết dưới tên gọi Rade (người Êđê - tg.) cũng rất mạnh và rất hiếu chiến; có thể cũng đã thành lập được một hoặc nhiều tiểu quốc, thậm chí có thể có lúc thống nhất với người Jarai, người Rade được người Chăm gọi là Randaiy... và cũng đã từng tiến hành nhiều cuộc chiến đấu chống lại những người anh em cũ của mình này đã trở thành kẻ xâm lược trước khi rời bỏ vùng ven biển lên tị nạn trên vùng núi và cao nguyên Darlac”³.

Trên lĩnh vực nhân học văn hóa, địa bàn thượng nguồn sông Ba chính là nơi còn bảo lưu nhiều dấu ấn cổ xưa của những tộc người Nam Đảo⁴, không chỉ có quy mô về dân số, cấu trúc xã hội và địa bàn cư trú áp đảo đối so với các tộc người cận cư, họ còn là chủ nhân và hình thành một thế lực hùng mạnh ở phía Tây⁵ - cửa ngõ nối kết với cửa biển quan trọng ở Nam Trung bộ qua dòng sông Ba

III. Dấu ấn và hiện tượng lưỡng phân trong lịch sử - văn hóa Champa từ bản lề sông Ba

1. Lưỡng phân cương vực

Căn cứ trên lập luận được nhiều học giả thừa nhận hiện nay, vùng đất mà sử liệu gọi là vương quốc Champa trong lịch sử, luôn diễn ra một chuỗi những xáo trộn, phân ly, thống trị, ảnh hưởng, chuyển dịch... giữa các trung tâm và thế lực vương quyền. Những biến cố ấy thường xuyên xuất hiện vào nhiều thời điểm khác nhau

¹ H.Maitre, Sdd, tr.177.

² H. Maitre: Les Jungles Moi, Sdd, tr.178.

³ H. Maitre: Les Jungles Moi, Sdd, tr.180.

⁴ Trường ca/anh hùng ca Tây Nguyên tiêu biểu phần lớn được khai thác và công bố xuất phát từ địa bàn này.

⁵ “Người Jarai đã vượt qua nhiều thế kỷ và đến với chúng ta ngày nay như là một dòng tộc lớn, văn minh hơn các dòng tộc láng giềng của họ. Các thủ lĩnh phù thủy của họ được gọi là Sadet lửa, Sadet nước - Tiếng Jarai gọi là Patau Pui và Patau Ia. Chắc chắn là ban đầu các thủ lĩnh đó có quyền lực... Theo Henri Maitre, chính các bộ lạc Djarais cư trú ở thung lũng thượng nguồn sông Ba làm chúng ta lưu ý. Họ nói một thứ thổ ngữ nửa Djarai nửa Rhade và được gọi là người Krungs ở vùng Cheo Reo (bây giờ thuộc Phú Yên), người Churs ở phía Đông Nam xứ người Krungs, người Mdurs ở thung lũng hạ sông Ba trong vùng M’Drack và sông Hinh” (A. Laborde: “Tinh Phú Yên” trong Những người bạn Cổ đô Huế, NXB Thuận Hóa, tr.397).

qua hàng chục thế kỷ. Về thực chất đây là những cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng và sự thống nhất giữa các khối cộng đồng trên cùng lãnh thổ hoặc mở ra chiến tranh xâm lược hoặc bị thế lực khác xâm lược thống trị; sự phát triển đột biến của một tiểu vùng, rồi trùm ảnh hưởng của mình lên những vùng khác; sự yếu đi và bị thôn tính của một lãnh địa vốn rất hùng mạnh trước đó; sự đòi hỏi những khu trung tâm vùng bởi nhiều lý do... Đó là tất cả những gì đã làm cho mạch bi ký của chính người Chăm, cũng như những sử liệu của Trung Quốc thời cổ đại, thường mô tả về vùng đất này có những khoảng đứt đoạn, mù mờ, khó giải thích [15, tr.172-174]. Cũng vì thế, không một luận cứ nào trở thành kết luận về chân dung một vương quốc có chung biên giới phía nam với Đại Việt, trong suốt nhiều thế kỷ. Vùng đất chúng ta thường gọi là Champa, thực ra, trong các tư liệu cổ đã từng tồn tại 3 tên gọi theo tuyến lịch đại đó là: Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm Thành. Riêng trong bi ký Chăm, thì mãi đến đầu thế kỷ VII trong văn khắc của bia Sambhuvarman mới bắt đầu xuất hiện từ Champa với nội dung ca ngợi vua Vikrantavarman là đại vương, lãnh chúa tối cao của đô thị Champa (không phải là vương quốc Champa - tg.), mặc dù, họ vốn đã có mặt từ thế kỷ II sau CN.

Ngô Văn Doanh trong công trình viết về Văn hóa cổ Chăm nhận định rằng: không phải ngẫu nhiên mà vị vua được coi là có uy quyền lớn nhất của Champa vào thế kỷ VII là Vikrantavarman, chỉ dám xưng là đại vương hay lãnh chúa tối cao của đô thị Champa (Campapura). Theo tác giả thì: “Trong giai đoạn đầu tiên này của lịch sử Champa, các tiểu vương quốc phía Bắc đặc biệt là Lâm Ấp giữ vai trò chủ đạo. Vì thế có thể gọi giai đoạn đầu của lịch sử Champa là lịch sử của nhà nước Lâm Ấp” [4, tr.63]. Từ sau năm 749, khi Rudravarman cử sứ bộ sang triều cống phương Bắc, thì tên Lâm Ấp không còn xuất hiện trong sử sách Trung Quốc nữa. Như vậy, cho đến thế kỷ thứ VII, nếu căn cứ vào bi ký Chăm nói về Vikrantavarman như vừa nêu, thì khu vực được gọi là Champa, chỉ có thể được xác định nằm ở phía Bắc Chăm. Tất nhiên,

không loại trừ khả năng liên kết các lãnh địa, tiểu quốc trong vùng này, kể cả Lâm Ấp trước đó, để hình thành một nước lớn hơn, nằm dọc đồng bằng ven biển miền Trung. Chúng không quá xa nơi Vikrantavarman được tôn vinh là đại vương hay lãnh chúa tối cao của vùng Campapura (Amaravati, Indrapura và Vijaya sau này), mà trên địa lý hành chính hiện nay là từ Quảng Bình đến Bình Định.

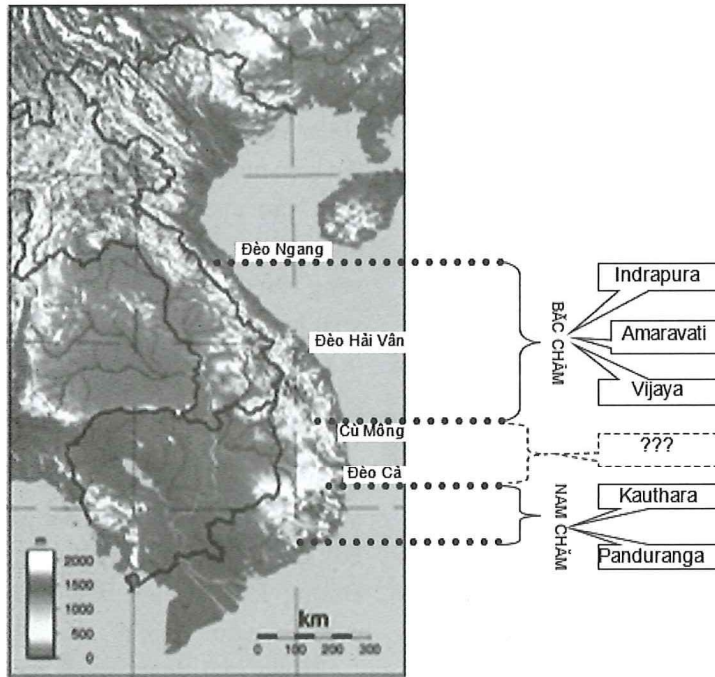
Theo Tân Đường Thư, thì sau niên hiệu Chí Đức (năm 756-758), Lâm Ấp không còn được nhắc đến, mà vùng đất này mang một tên mới là Hoàn Vương. Chúng ta lưu ý rằng, sự xuất hiện tên hiệu mới này, tương ứng với thời kỳ các vùng phía Nam của Vijaya được xưng danh. Bởi, hơn một thế kỷ của lịch sử Champa sau đó, thiếu vắng hẳn các bi ký ở phía Bắc Chăm, nhưng, lại xuất hiện đậm đặc ở phía Nam Chăm (chủ yếu là ở Kauthara và Panduranga). G. Maspero đã gắn triều đại mới này là thời kỳ Hoàn Vương và thời kỳ bá quyền của vùng vương quốc phía Nam ở Panduranga [26] (758-859). Từ năm 875, bi ký của Champa lại xuất hiện trở lại ở Bắc Chăm (Đồng Dương - Quảng Nam) và Tân Đường Thư lại nhắc đến vùng đất này với tên mới là Chiêm Thành.

Trong giai đoạn người Trung Quốc nói về nước Chiêm Thành, chúng ta thấy có sự dịch chuyển trung tâm Indrapura đến Vijaya (988-1177), cả hai đều nằm trong vùng Bắc Chăm. Đây cũng là giai đoạn nổi lên sự kiện vua Jaya Paramesvaravarman ở Vijaya ở Bắc Chăm, phải đương đầu với người Chiêm Nam Chăm (Panduranga). Chính quyền ở Panduranga “luôn luôn nổi dậy, chống lại nhà vua (ở Vijaya - tg.) và không thừa nhận phía Bắc” [38, tr.645]. Trung tâm Vijaya sau cuộc tấn công của Lý Thánh Tông (năm 1069), hầu hết sử liệu không còn những thông tin gì rõ ràng về nội tình Chiêm Thành nữa. Tuy nhiên, theo L. Finot căn cứ trên bi ký Mỹ Sơn, thì sau sự kiện này, hiện tượng phân lập các tiểu quốc của Chiêm Thành càng sâu sắc hơn rất nhiều [40, tr.940].

Với những dẫn chứng vừa nêu, chúng tôi muốn nói rằng: Đã tồn tại trong lịch sử Champa một sự phân cực Bắc Nam khá rõ nét. Tính chất

lưỡng phân/lưỡng cực ở đây vốn từng tồn tại trên thực tế và diễn ra trong nhiều thời kỳ. Xét từ quan điểm cấu trúc xã hội Champa như nhiều giả thiết đã bàn đến, thì “Vương quốc Champa thực chất là sự liên kết giữa các công quốc nhỏ lại với nhau và công quốc nào mạnh thì sẽ nắm vị trí bá quyền...” [4, tr.74]. Renee Hagesteign gọi là sự kết hợp, phân ly, liên kết giữa các “Cir-

dân gian lẫn bi ký, có một thông tin được lập lại mang tính xác quyết nhiều lần, đó là tộc người Chăm phân lập thành 2 thị tộc (có tài liệu dùng là bộ lạc hay bộ tộc): “Người Chăm chỉ có ở miền Trung Việt Nam và nguồn gốc của người Chăm xuất phát từ bộ lạc Kramuka Vams’a (theo bi ký chữ Phạn) còn gọi là bộ tộc Cau và bộ lạc Narikela Vams’a (theo bi ký chữ Phạn) còn gọi là



Sơ đồ 1: Lưỡng phân cương vực Nam Chăm – Bắc Chăm

cles of Kings” [46]. Hay như J.C. Heesterman quan niệm, đó là cấu trúc liên quan đến sự liên minh, liên kết, cạnh tranh, giữa các thế lực chính trị với sự giúp đỡ hậu thuẫn của các lực lượng tôn giáo. Để từ đó, vị lãnh tụ sẽ thiết lập khu trung tâm với một thực thể chính trị, và xung quanh ông ta là một hệ thống các thiết chế tương ứng [33, tr.77].

Chính sự xuyên suốt của hiện tượng lưỡng phân trong vùng đất được gọi với nhiều các tên khác nhau: Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm Thành, Champa, chúng ta thấy rõ dần khái niệm Bắc Chăm và Nam Chăm: Một thực thể mà các nhà nghiên cứu thường nhắc đến khi nói về vương quốc này.

2. Lưỡng phân thị tộc

Trong nhiều sử liệu cũng như truyền thuyết

bộ lạc Dừa. Hai bộ lạc này cư trú từ Quảng Nam đến Thuận Hải ngày nay và xuất hiện vào thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh. Vào đầu Công Nguyên, bộ lạc Narikela Vams’a (bộ lạc Dừa) chịu ảnh hưởng sâu sắc Bà La Môn giáo và lập ra vương quốc Champa - Kinh đô đầu tiên của Champa là Simhapura (đền đài, thành quách còn được lưu tồn tại làng Trà Kiệu, thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam ngày nay). Từ giai đoạn này đến giai đoạn tiếp theo là sự xuất hiện của vương triều Panduranga (xuất hiện vào thế kỷ XIII và IX sau Công Nguyên với 6 đời vua liền...” [7, tr.31]. Một tài liệu khác nêu: “Trong xã hội Chăm trước đây, chúng ta thấy có hai thị tộc Cau (Pi năng) và thị tộc Dừa (Li - U) hay khởi thủy có lẽ Chiêm Thành gồm nhiều tiểu quốc bán độc lập và phong kiến. Hai bộ lạc được ghi nhận có

uy thế hơn cả là “thị tộc Cau” và “thị tộc Dừa”. Dân Chăm hưng khởi được, là nhờ sự đồng nhất về tập tục và đã có trên danh nghĩa hơn là thực tế một ông vua thống lĩnh” [13, tr.25]. G. Coedes đã cho chúng ta biết được chứng tích của hai thị tộc Cau (Kramuka Vams’a) và thị tộc Dừa (Narikela Vams’a) xuất hiện trong bi ký của Harivarman IV ở Mỹ Sơn (bia Mỹ Sơn XII) [29]. Trong cuộc thảo luận giữa J. Boisselier với G. Maspero, tác giả cũng đã đề cập đến hai thị tộc này. J.Boisselier không đồng ý gắn Hoàn Vương với Panduranga hay thị tộc Cau [34, tr.61]. L. Finot trong một tài liệu của mình cũng có nhắc đến một hoàng thân tên là Thau với sự giúp đỡ của em ông là hoàng thân Pau, đã mang lại cho Champa sự phục hồi, Hoàng thân Thau tự hào là cha ông thuộc tộc Dừa (Narikela Vams’a) và mẹ ông thuộc họ Cau (Kramuka Vams’a) đã lên ngôi với danh hiệu là Harivarman IV.

Sự tồn tại của hai thị tộc Cau và Dừa, không chỉ có trong truyền thuyết, mà là một thực tế hiện hữu ở những nguồn tài liệu đáng tin cậy nhất là bi ký của người Chăm. Vấn đề ở đây là không gian sinh tồn của hai thị tộc ấy trong lịch sử? Và tại sao dấu ấn thị tộc lại được nhắc đến một

cách đậm nét trong những hoạt động vượt khỏi phạm vi dòng họ huyết thống, và, liên hệ không nhỏ đến những sự kiện chính trị lịch sử của cả triều đại?

3. Lưỡng phân dòng dõi

Ngày nay trong việc thờ cúng tổ tiên, người Chăm cũng có hai dòng tổ tiên: Tổ tiên dòng núi (A tâu Chok) và tổ tiên dòng biển (Atâu Taxi). Nghi thức thờ cúng tổ tiên thuộc dòng biển tiến hành cầu kỳ và phiền toái hơn việc thờ cúng tổ tiên thuộc dòng núi. Đây có phải là sự biến dạng của hai thị tộc Cau và Dừa? Có lẽ tổ tiên dòng núi trước đây thuộc thị tộc Cau và thị tộc Biển thuộc thị tộc Dừa? Mà thị tộc Cau thuộc thị tộc bình dân (Bal la oa hoa hawaii [Dân cây kéo roi]) thì thị tộc Dừa thuộc thị tộc hoàng phái quý tộc (Kha Patao Bmao Muh [gốc vua mũ vàng]) [14, tr.52]. “Ngày nay, những vị chức sắc Bà La Môn, những người “Chăm Rắt” (Chăm gốc) và những người thuộc dòng hoàng tộc đều kiêng uống nước dừa và ăn dừa. Điều này có thể liên hệ đến sự kiêng cử mang tính chất “tô tem” của người Chăm Rắt, người hoàng tộc và dòng họ Pinăng còn thấy phổ biến ở người Rang Klai (Rắc Klay), một nhóm Chăm núi. Phải chăng những người

Tên thị tộc/ bộ lạc/bộ tộc	Thuộc dòng tộc	Đẳng cấp xã hội	Không gian trực thuộc	Cương vực
Thị tộc Dừa [Narikela Vamsa] [LI-U]	Dòng biển [Atâu Taxi] [Chăm biển]	Quý tộc [Chăm Rắt] [Kha Patao Bmao muh] (Gốc vua mũ vàng)	Amaravati Indrapura Vijaya	Bắc Chăm
	↓	↑		
Thị tộc Cau [Kramuka Vamsa] [PI NẮNG]	Dòng núi [Atâu Chok] [Chăm núi]	Bình dân [Bel la oa hoa hawaii] (Dân cây kéo roi)	Kauthara -Panduranga	Nam Chăm

Sơ đồ 2: Lưỡng phân Thị tộc và Lưỡng phân Dòng dõi

Rang Klai [Raglai t.g] mang họ Pinang là di duệ của thị tộc Cau xa xưa” [14, tr.53]. Truyền thuyết liên quan đến tầng lớp bình dân về cây cau và tầng lớp hoàng tộc cây dừa đều có chung một mẫu hình. Điều này phải chăng đã phản ánh sự trấn trị đối với các tiểu quốc/lãnh địa trong lịch sử Chăm, không chỉ nằm trong tay tầng lớp hoàng tộc Chăm Rắt, mà vẫn có những tiểu quốc, người lãnh đạo thuộc tầng lớp xuất thân thuộc nhóm núi - bình dân. Truyền thuyết dân gian kể rằng: Hoàng cung Chăm có một cây cau trở bông to một cách khác thường, nhưng đến thời kỳ thành trái, mọi người chờ mãi vẫn không thấy có. Nhà vua bèn sai kẻ thân cận trèo lên và chặt buồng cau đem xuống. Nhà vua cho bửa cau ra, thì thấy hiện lên một đứa bé hết sức khôi ngô. Nhà vua vui mừng đặt tên là Raya Poh Klong. Vua truyền cho nhiều người vú đến cho bú, nhưng đứa bé không bú. Nhà vua bèn cho vắt sữa con bò ngũ sắc (thần Nandin) đứa bé mới chịu bú. Sau đó bẹ cau biến thành cái khiêng và bẹ nhọn của bẹ thành cây grom.

Những suy luận vừa nêu khiến chúng tôi liên tưởng đến một dạng logic gắn kết những hiện tượng phân cực trên lãnh địa được gọi là vương quốc Champa, mà ở đó, mỗi cực đều có mối liên hệ trùng khớp có thể tìm gặp trên nhiều dạng tư liệu.

IV. Sông Ba - Hoa Anh, dấu hỏi từ những khoảng trống trong lịch sử

Khoảng trống ở sơ đồ I của bài viết này chính là không gian được định vị từ Đèo Cù Mông đến đèo Cả nằm trong địa phận Phú Yên bây giờ. Đó cũng chính là khoảng trống về nhiều mặt, nhiều giai đoạn, trong sử liệu lẫn bi ký Chăm, trải dài gần cả thiên niên kỷ (VI đến XIV). Nhìn từ góc độ khảo cổ học, di tích trong khu vực núi Bà ở vùng trống trên sơ đồ, đã từng tồn tại và trải qua một thời gian khá dài. Mặc dù, khu đền tháp Ấn Độ giáo ở núi Bà được xác định vào khoảng từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV: “Không chỉ các tác phẩm nghệ thuật mà tài liệu bia ký cũng cho chúng ta niên đại tương ứng (năm 1333 saka tức năm 1411 sau Công Nguyên)”[3]. Tuy nhiên, theo H. Parmentier những hiện vật được tìm thấy

ở Núi Bà còn có những chứng cứ xa xưa hơn di tích Núi Bà, chẳng hạn như phiến đất nung có hình Phật ngồi và chữ phía sau. Theo tác giả có một câu liên quan đến Phật giáo “Ya Dharma và bốn dòng chữ thuộc thế kỷ 6 Saka (thế kỷ VI - VII Công Nguyên)”. Tác giả J. Boisselier đã xếp bức phù điêu đất nung ở Phước Tịnh này vào nhóm những bức tượng Phật giáo Champa thuộc thời kỳ trước thế kỷ VII. Trong lúc những hiện vật được phát hiện ở núi Bà trải dài nhiều thế kỷ như đã nêu, thì thành nhà Hồ phần lớn các nhà khảo cổ cho rằng: chúng được xây dựng khoảng thế kỷ XIII - XV... và được sử dụng liên tục cho đến cuối thế kỷ XVI. Như vậy, chính nơi đây đã từng là địa điểm nằm trong vùng ảnh hưởng của Bắc Chăm hoặc của Nam Chăm; một khu đệm giữa hai lãnh địa này; và phải chăng, sau đó thuộc Hoa Anh quốc trong hơn một thế kỷ.

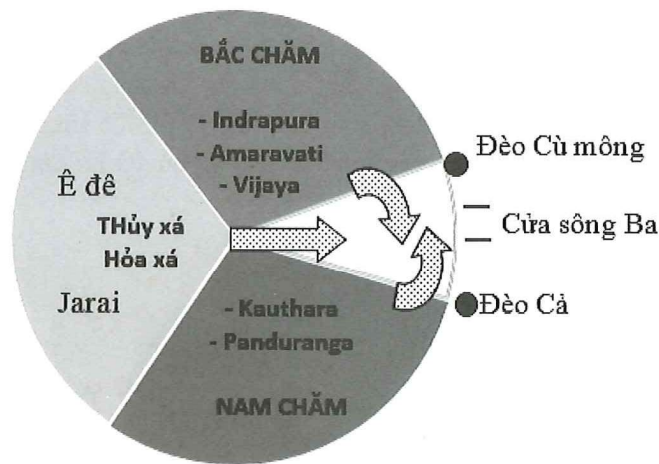
Ở đây, chúng ta cũng cần chú ý hệ di tích Champa nằm sâu về phía Tây, dọc sông Ba lên đến các chi lưu ở vùng thượng nguồn như tháp Yang Prong, được xây dựng nên bởi Jaya Simhavarman III. H. Maitre khi phát hiện những tường thành ở Yang Prong, tác giả cho rằng, thành được người Chăm xây lên như một biện pháp bảo vệ tháp khi chưa bị cuộc chiến tranh với vua Lửa và vua Nước [30, tr.342-344]. H. Parmentier xem di tích này được xây dựng từ đầu thế kỷ XIV theo phong cách Pyramidal Art (nghệ thuật kim tự tháp), dạng tháp thuộc giai đoạn thứ hai trong tiến trình mỹ thuật Chăm [30, tr.194]. Trong lúc đó, tháp Yang Mum ở Cheo Reo (Gia Lai - Kon Tum) cạnh sông Ayun (một chi lưu của sông Ba) được J.Boisselier đánh giá cao về mặt nghệ thuật và ông ta gọi đó là phong cách Yang Mum, chịu khá nhiều ảnh hưởng nghệ thuật Khmer [34, tr.340]. Ngoài ra, còn có rất nhiều những di tích khác nằm dọc các chi lưu thuộc thượng nguồn sông Ba như Kodo Ruin (phế tích vùng Kodo ở Nam Kon Tum) [31, tr.344-345]. Tháp Bmong Yang, Rong Yang (Kon Tum), di tích ở làng Phương Hoa (Kon Tum) cạnh sông Bla. Di tích Pxat Yang Glon (lăng mộ tượng thần vĩ đại) ở đèo Chursé (Kon Tum), di tích Tieu nang Bia (giường của Ia Bia).

Đặc biệt trong công trình của J. Dournes

“Những nghiên cứu ở vùng Champa”: “Tháp Yang Mum ở thượng nguồn sông Ba trên địa phận Gia Lai Kon Tum, người Jarai gọi tháp này theo ngôn ngữ của mình là Ya H’mum xuất phát từ Rcom H’mum, tên bà tổ của bộ lạc Rcom của người Jarai”. Như vậy, nhiều di tích văn hóa Chăm nằm khá sâu về phía Tây, rải rác khắp Tây Nguyên và đặc biệt xuất hiện ở những phụ lưu đầu nguồn hay hai bên bờ sông Ba cho đến vùng hạ lưu. Điều này chứng tỏ trong lãnh địa của người Jarai, Êđê, đã tồn tại dấu vết Chăm. Và, người Chăm cũng đã từng có những sự đụng độ với người Jarai, Êđê trong vùng.

Lý giải vấn đề trên, chúng ta có thể loại suy

trên, lưu vực sông Ba nằm trong vùng đất Phú Yên hôm nay, chính là một giao lộ liên quan đến quyền lợi của 3 thế lực Bắc Chăm - Nam Chăm và Thủy Xá/Hỏa Xá, đó là chưa kể đến những thời kỳ chiếm cứ của người Khmer hay Java. Có thể, sự mạnh lên của 1 trong 3 thế lực ấy có thể tạo nên ảnh hưởng, mang tính khuynh loát trùm lên 2 thế lực còn lại trong từng thời kỳ nhất định. Chính vì thế, những di tích liên quan đến Champa của cả trung tâm phía Bắc (Indrapura hay Vijaya), lẫn phía Nam (Kauthara, Panduranga) đều có cơ hội hiện diện ở vùng đất này. Tuy nhiên, căn bản thì đây vẫn là một vùng đệm, một lãnh địa, một trung tâm trao đổi cộng sinh của



từ hai sự kiện: Hoặc vùng đất này đã từng có thời kỳ người Chăm thống trị; hoặc, trên con đường giao thương qua nơi này, thương nhân Chăm với những món lợi kếp xù, đã xây dựng những đền tháp để tạ ơn thần linh. Điều chúng ta có thể khẳng định được là con đường giao thương huyết mạch ở thượng nguồn sông Ba, cửa ngõ quan trọng nối cảng biển Đà Diễn với khu vực Tây Nguyên, luôn phải đi qua lãnh địa của người Jarai, Êđê, Bahnar..., nơi có những tổ chức xã hội dựa trên thần quyền và đủ thực lực như Thủy Xá, Hỏa Xá. Rõ ràng, đây là một lực lượng quan trọng, quyết định sự thuận lợi hay khó khăn trên con đường giao thương, liên quan đến nhiều thế lực chi phối nằm sâu về phía Tây.

Cho nên, nói đến thị trường trao đổi rộng lớn nối Tây Nguyên với cửa cảng, thông qua nguồn thủy lộ sông Ba, không thể không tính đến sự chi phối của một lực lượng quan trọng vùng thượng nguồn. Căn cứ trên tính phân cực vừa đề cập ở

nhiều thế lực, ít ra là trước khi có dấu chân của đoàn quân của Lê Thánh Tôn (thế kỷ XV). Ở đây, chúng ta có thể nhận thấy điểm giao lộ quan trọng chính là Cùm Sơn, nơi có thành Hồ và các di tích Chăm thuộc nhiều thời kỳ khác nhau, xuất hiện và phân bố rải rác khắp nơi.

Chúng ta có thể nhận diện yếu tố cộng sinh của nhiều thế lực ở Phú Yên qua sơ đồ sau:

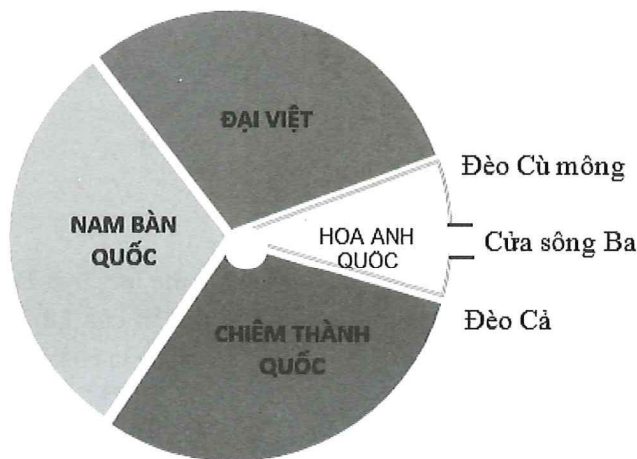
Đây cũng là cách lý giải tại sao vùng đất Phú Yên trong sử liệu của Trung Quốc lẫn bi ký Chăm đều không nhắc đến rõ ràng, ngoại trừ cái tên Hoa Anh quốc có từ thời nhà Lê; hay Ayaru, Mon-du/Môn độc quốc [21, tr 23] mà một số tác giả đã từng đề cập một cách mù mờ, thiếu tư liệu thuyết phục. Phàm, những vùng đất không thống thuộc một vương quốc nào, thì sử liệu thường rất ít nhắc đến hay mô tả những sự kiện cụ thể, mà giới sử gia đương thời thường chú mục đến vương quốc đang bị thống thuộc hoặc chịu ảnh hưởng.

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông của Đại Việt đem quân chinh phạt Champa, chiếm Vijaya, bắt vua Bàn La Trà Toàn. Biên giới Việt mở rộng đến đèo Cù Mông. “Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bồ Trì Trì chạy đến Phiên Lung (Phan Rang ngày nay) chiếm đất ấy xưng là Chiêm Thành. Bồ Trì lấy được 1/5 đất của nước Chiêm, sai sứ xưng thần, nộp cống được phong vương. Vua lại phong cho cả Hoa Anh và Nam Bàn gồm 3 nước để ràng buộc” [11, tr.158]. Trong Phủ biên Tạp lục, Lê Quý Đôn cũng nhắc đến sự kiện này: “Tháng 2 (năm Hồng Đức thứ 2 [1471] đánh phá Chà Bàn [Vijaya - tg.] quân Thuận Hóa bắt sống được Trà Toàn. Tướng nước ấy là Bồ Trì chạy đến Phan Lung (vùng Phan Rang ngày nay) giữ đất ấy xưng vương, chỉ còn 2/5 đất nước sai người vào cống. Bèn phong Bồ Trì là Chiêm Thành vương, lại phong Hoa Anh vương và Nam Bàn vương, chia làm 3

Thành, chiếm lấy đất này (Phú Yên) đặt làm huyện Tuy Viễn, lấy núi Thạch Bi làm giới hạn nhưng từ đèo Cù Mông về Nam còn thuộc về người Man, Lạp” [18, tr.64].

Như vậy, căn cứ trên sử liệu Đại Việt, chúng ta thấy vùng đất Phú Yên thời Lê Thánh Tông đã được định vị khá rõ nét, mặc dù, sơ đồ phân lập vùng ảnh hưởng trong thời gian ấy đã có những thay đổi đáng kể:

Hoa Anh Quốc, ngoài một vài sử liệu nhắc tới như vừa nêu, hầu như không còn một dòng đặc tả chi tiết nào. Vấn đề này, theo chúng tôi có thể xuất phát từ quan niệm đây chỉ là một vùng đệm nằm trong vùng ảnh hưởng của Đại Việt. Điều mà Đại Việt cần giải quyết là Chiêm Thành quốc ở phía Nam. Nhưng, trên thực tế Hoa Anh vẫn là đất đang còn bị chi phối bởi nhiều thế lực phức tạp. Một vùng giao lộ với những sự đan xen về quyền lợi kinh tế của nhiều thế lực, nên

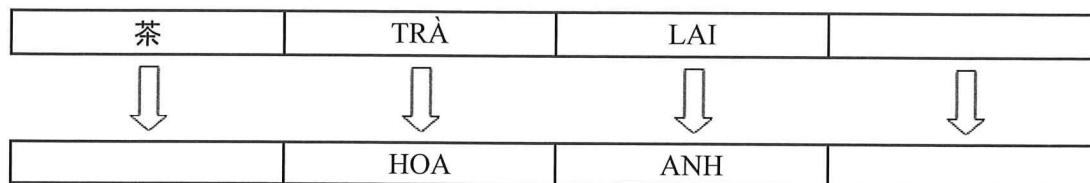


nước” [6, tr.42-43].

Số phận của vùng đất đệm (Phú Yên ngày nay), lúc này trở thành trung tâm trao đổi cộng sinh của 3 thế lực: Chiêm Thành là thế lực chống đối Đại Việt, tháo chạy vào trung tâm Panduranga và Kauthara; Hoa Anh là nước chịu ảnh hưởng của nhà Lê, nơi quân Đại Việt đã từng chiếm đóng, nhưng, có thể do chưa thuận lợi, Lê Thánh Tông chỉ dựng lại ở đây một lãnh địa phụ thuộc rồi rút về địa giới Cù Mông; Nam Bàn thuộc quyền kiểm soát của những thế lực phía Tây (Thủy Xá - Hỏa xá), chủ yếu là người Jairai và Ê đê: “Lê Thánh Tông đánh Chiêm

nhà Lê cần thiết để nó tồn tại một cách độc lập trên danh nghĩa để tìm kế ổn định lâu dài. Và sau này, chính Lương Văn Chánh đã là nhân vật thực hiện một cách linh hoạt và hiệu quả ý đồ này bằng nhiều biện pháp, khi ảnh hưởng của người Việt hay Việt hóa ở vùng đất này đã được xác lập mạnh mẽ.

Trong một lần trao đổi với TS. Shine (Đại học Tokyo, Nhật Bản), ông ta có đưa ra một kiến giải về danh xưng Hoa Anh, mà theo chúng tôi cũng nên tham khảo. Từ Hoa Anh được nhắc đến, có thể là hậu quả của một sự nhầm lẫn tự dạng vốn rất gần nhau của hai danh xưng Hoa Anh và Trà



Lai (Trà Lai là tên Hán Việt để gọi người Jarai). Cho nên từ Trà Lai gọi nhầm là Hoa Anh là điều mà theo tác giả Shine có thể xảy ra.

Và cũng theo TS. Shine, đây là vùng đất thuộc vùng ảnh hưởng mạnh mẽ của người Jarai nên vua Đại Việt đặt luôn tên là Trà Lai quốc (nước của người Jarai), và, sau này có thể vì do có sự gần gũi tự dạng như đã nêu, nên, người sau đọc nhầm là Hoa Anh Quốc.

Trong thời kỳ tồn tại của nước Hoa Anh, chúng ta thấy ở đây đã tiếp nối và phát triển những hoạt động trên trục thủy lộ sông Ba cùng nhiều hoạt động khác. Kế thừa những di tích Champa trước đó, nhà cầm quyền cũng như thần dân Hoa Anh đã chấn chỉnh và phát huy tác dụng nhiều di tích quan trọng như thành Hồ, các cơ sở tín ngưỡng như tháp Đông Tác (Phú Lâm, Tuy Hòa), Phước Tịnh (Núi Bà), tháp Nhạn (Tuy Hòa). Sông Ba không chỉ đóng vai trò quan trọng vào đương thời, mà sau khi vùng đất Tuy Hòa thuộc Đại Việt, thành Hồ trên sông Ba vẫn có vị trí đáng kể trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội... của cả khu vực.

* * *

Với những gì vừa nêu, việc nghiên cứu và khảo sát dọc sông Ba không đơn thuần chỉ là công việc thống kê những di tích trên phạm vi một tỉnh, mà ở đây, lịch sử đã từng chứng kiến

một giao lộ sôi động mang tính liên quốc gia. Một cửa cảng có sự tụ hội của nhiều luồng hải thương từ nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Cũng từ đặc điểm ấy, bên cạnh văn hóa Việt qua hệ di tích từ thời Lê trở về sau, còn có dấu ấn những cuộc di cư của người Hoa, mối quan hệ đan xen giữa người Việt. Chăm, Hoa, các tộc người Êđê, Jarai, Bahnar... Đây chính là một chân dung nhiều màu sắc với những biến điệu vi tế trong quá trình hòa nhập của người Việt. Từ bối cảnh cộng sinh với nhiều thế lực, nhiều tộc người, trong buổi đầu đến với vùng đất này, người Việt đã tìm được cho mình một thế tồn tại bằng từng bước tiệm tiến cần thiết. Trong một chừng mực nào đó, Hoa Anh hiện hữu trong lịch sử gần một thế kỷ, đã là một chứng tích phản ánh sự khôn khéo trong chiến lược xuôi Nam của Đại Việt. Dừng lại ở Cù Mông và phong vương cho hai nước Hoa Anh và Nam Bàn, chính là lúc mà Đại Việt cần có thời gian khắc chế và bình ổn một giao lộ liên quan đến quyền lợi của nhiều thế lực. Mà ngay trong tức thời, đoàn quân của Lê Thánh Tông dù bưng bưng khí thế chiến thắng, vẫn chưa thể giải quyết chuyện đất đai và dân tình một cách thuận lợi và bền vững được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1] Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Văn Hóa.
- [2] Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái (1956), *Đại Nam quốc sử diễn ca*, NXB Trường Thi.
- [3] Ngô Văn Doanh (2001), “Thành Hồ - cửa ngõ châu Thượng Nguyên (Tây Nguyên) của Champa”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* số 3/2001.
- [4] Ngô Văn Doanh (1994), *Văn hóa cổ Champa*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [5] Ngô Văn Doanh (2011), “Thành Hồ và nước Hoa Anh”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Di sản văn hóa Nam Trung bộ với sự phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế*.

- [6] Lê Quý Đôn toàn tập, tập I, NXB KHXH, 1977.
- [7] Mạc Đường (1992), “Các thời kỳ lịch sử của văn hóa Champa” trong *Vấn đề kinh tế - văn hóa dân tộc Chăm*.
- [8] Nguyễn Thị Hòa (2011), “Vài tư liệu và quan điểm về vùng đất Hoa Anh trong lịch sử”, *Hội thảo Dự án khảo sát điều tra hệ thống di sản văn hóa lưu vực sông Ba*
- [9] Trần Sỹ Huệ (2007), *Phú Yên thời khẩn hoang lập làng*, NXB Nông nghiệp.
- [10] Nguyễn Văn Huy (2003), *Tìm hiểu cộng đồng Chăm tại Việt Nam*, Thông luận Paris 2003-2004.
- [11] Ngô Sĩ Liên (1968), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập II, NXB KHXH.
- [12] Nguyễn Quốc Lộc, Vũ Thị Việt (1990), *Các dân tộc thiểu số ở Phú Yên*, Sở VH TT tỉnh Phú Yên
- [13] Nguyễn Văn Luận (1994), *Người Chăm Hồi Giáo ở miền Tây Nam phần Việt Nam*.
- [14] Mah Mod (1978), “Đặc điểm gia đình, thân tộc và xã hội của đồng bào Chăm”, trong *Những vấn đề về dân tộc học ở miền Nam Việt Nam*.
- [15] Lương Ninh (2006), *Vương quốc Champa*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [16] Lương Ninh chủ biên (2000), *Lịch sử Việt Nam giản yếu*, NXB CTQG.
- [17] Trần Kỳ Phương (2004), “Góp phần tìm hiểu nền văn minh của vương quốc cổ tại miền Trung Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, Sở KH&CN Thừa Thiên Huế, số 3.
- [18] Quốc Sử quán triều Nguyễn (1996), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, NXB Thuận Hóa.
- [19] Oscar Salemink (2008), “Một góc nhìn từ vùng cao: phân lịch sử quan trọng về mối quan hệ giữa đồng bằng và miền núi ở Việt Nam” trong *Thời kỳ mở cửa những chuyển đổi kinh tế-xã hội ở vùng cao Việt Nam*.
- [20] Li Tana, Nguyễn Nghị dịch (1999), *Xứ Đàng Trong: lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*, NXB Trẻ.
- [21] Trần Quốc Vượng (2005), *Nam Trung bộ dưới cái nhìn địa văn hóa dân gian*, NXB KHXH, tr23.

Tiếng nước ngoài

- [22] B.Bronson: Exchange at the Upstream and Downstream Ends: Notes toward a Funtional Model of the Coastal State in Southeast Asia, Economic Exchange and Social Interaction in Southeast Asia: Perspectives from Prehistory, History and Ethnography [Huttere, Karl L.eI], Ann Arbor: Center for South and Southeast Asia Studies. The University of Michigan, 1977.
- [23] Charles Wheeler: Re-thinking the Sea in Vietnamese History: Littoral Society in Integration of Thuan Quang, Seventeenth- Eighteenth Centuries. In “Journal of Southeast Asian Studies”, 37.1, Feb 2006.
- [24] D. Thomas và R.K Headley, “More on Mon-Khmer Subgroupings”, in *Lingua* 25, No.4 Center for Vietnamese Studies and Summer Institute of Linguistics [S.I.L], Saigon, 1970.
- [25] Dougald J. W. O’Reilly:Early Civilization of Southeast Asia. Lanham Alta Mira Press, 2007.
- [26] G. Maspero: Le royaume de Champa. Van Oest, Paris, 1928.
- [27] G. Maspero: “Le Royaume de Champa”, T’oung Pao, tháng 5, 1910.
- [28] Gerald C. Hickey: Sons of the Mountains: Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands to 1954, New Haven: Yale University Press, 1982.
- [29] G.Coedes: Inventaine des Inscriptions du Champa et du Cambodge, in B.E.F.E.O, tập VII.

- [30] H. Maitre: Notes sur la tour Chame du Nam Lien, B.E.F.E.O, No VI - 3, 1906.
- [31] H. Parmentier, Inventaire des criptif des monuments Cams de L'Annam (2 vol, vol 1, Paris: Imprimerie National), 1909.
- [32] H. Parmentier, Inventaire des criptif des monuments Cams de L'Annam (2 vol, vol 1, Paris: Imprimerie National), 1909.
- [33] J.C. Heesterman, Power and Authority in Indian Tradition in R.J More: Tradition and Politics in South Asia. New Delhi/Vikas, 1979.
- [34] J. Boisselier, La Statuaire du Champa. Recherches sur les cultes et l'iconographie. Paris: Ecole Francaise d'Extreme-Orient, LIV, 1963.
- [35] J.Y. Clayes: Inspections et reconnaissances en Annam, France Asie 24, 1928, No.2.
- [36] Jacques Dournes: Recherches sur le haut Champa, France Asie 24, No.2, 1970.
- [37] Kenneth Smith: "Eastern North Bahnaric: Cua and Kotua" trong Mon-Khmer Studies IV, Language Series, No. 2, Center for Vietnamese Studies and Summer Institute of Linguistics, Saigon, 1973.
- [38] L. Finot: Notes d'épigraphie V. Panduranga, in B.E.F.E.O, tập III, 1903.
- [39] L. Finot: Les inscriptions de Quang Nam. B.E.F.E.O. IV, 1-2, 1904.
- [40] L. Finot: Notes d'épigraphie. IX .Les Inscriptions de Mỹ Sơn. B.E.F.E.O, tập IV, 1904.
- [41] O. Wolter: History Culture and Religion in Southeast Asia, Singapore: Institute of Southeast Asia Studies, 1982.
- [42] Po Dharma: The History of Champa in Cham Art. River Books, Bangkok, 2001.
- [43] R.K. Hall: Maritime Trade and Early State Development in Southeast Asia, Honolulu: University of Hawaii Press, 1985.
- [44] R.C. Majumdar: Ancient Indian Colonies in the Far East. I. Champa. Greater India Society Public.1. Punjab Oriental Series XVI, 1927.
- [45] R.C. Majumdar: Champa: History and Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East 2th- 16th Centuries AD. Gian Publisher House, Dehli, 1985.
- [46] Renee Hagesteign: Circles of Kings, Political Dynamics in Early Continental Southeast Asia, Foric Publications - Dordrecht - Holland/Providence, 1989, U.S.A.
- [47] W. Southworth: The Origins of Campa in Central Vietnam. Preliminary Review. London: School of Oriental and African Studies, University of London, 2001.